

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Ống thép Việt - Đức VG PIPE

Ngày 30/06/2025	26,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.4%	6.2%	-8.3%

DT thuần Q2/25
2,120
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 333 18.6%
YoY: ▲ 132 6.7%

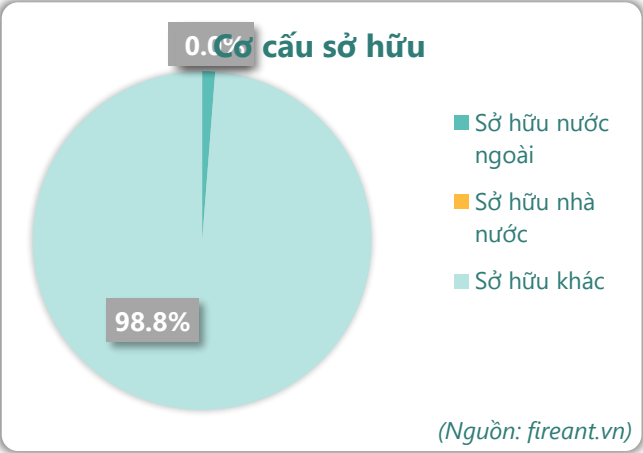
LN thuần Q2/25
40.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.60 -17.7%
YoY: ▲ 25.8 179%

LN sau thuế Q2/25
34.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.10 -15.0%
YoY: ▲ 22.8 188%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
2.1%
YoY: +/- ▼ 0.9%

ROE (TTM) Q2/25
14.7%
YoY: +/- ▲ 1.8%

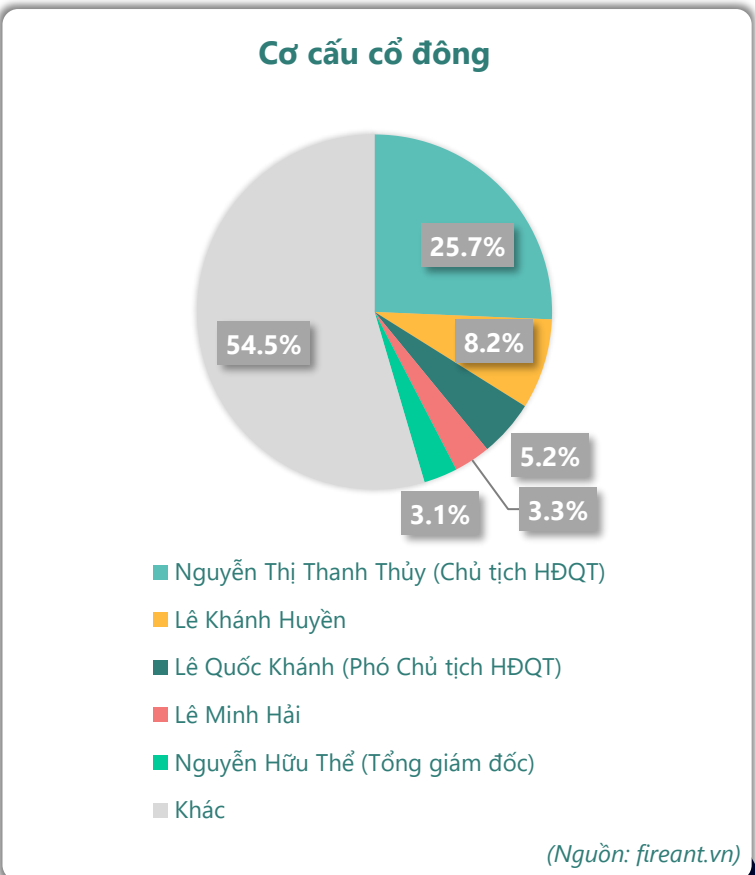
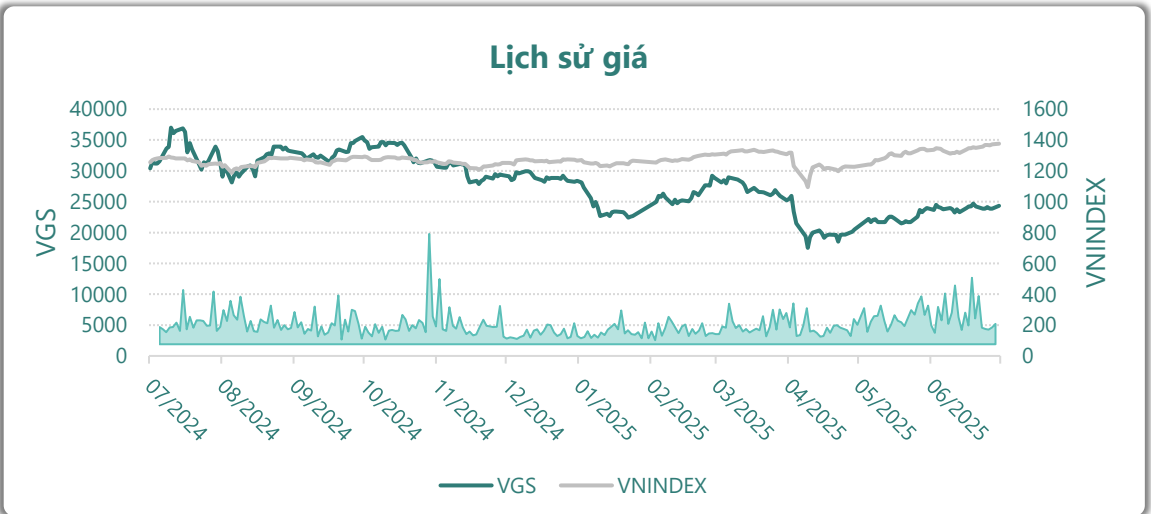
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	17,513 - 36,998
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,499
Số lượng CPLH (CP)	55,932,126
KLGD BQ 20 phiên (CP)	954,850
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	1.58
EPS	2,852
P/E	9.4



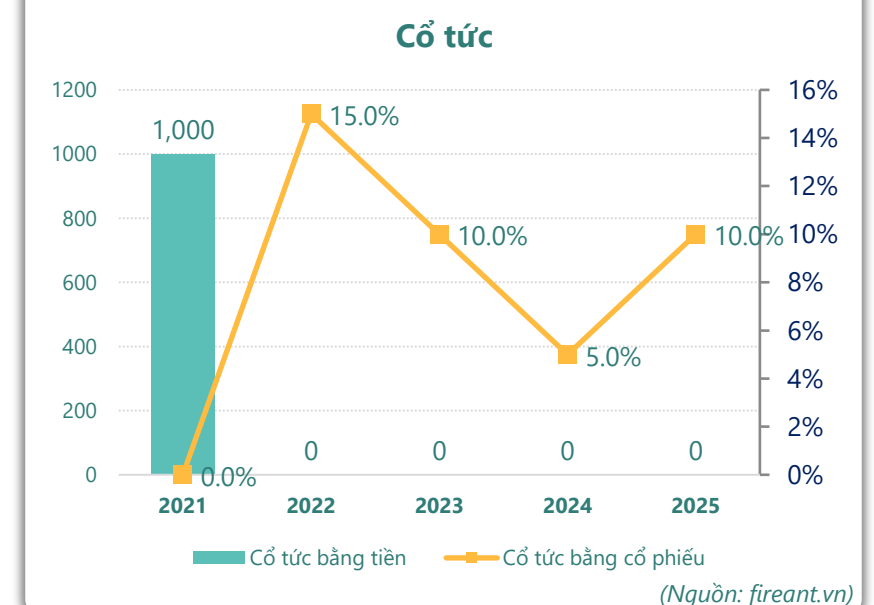
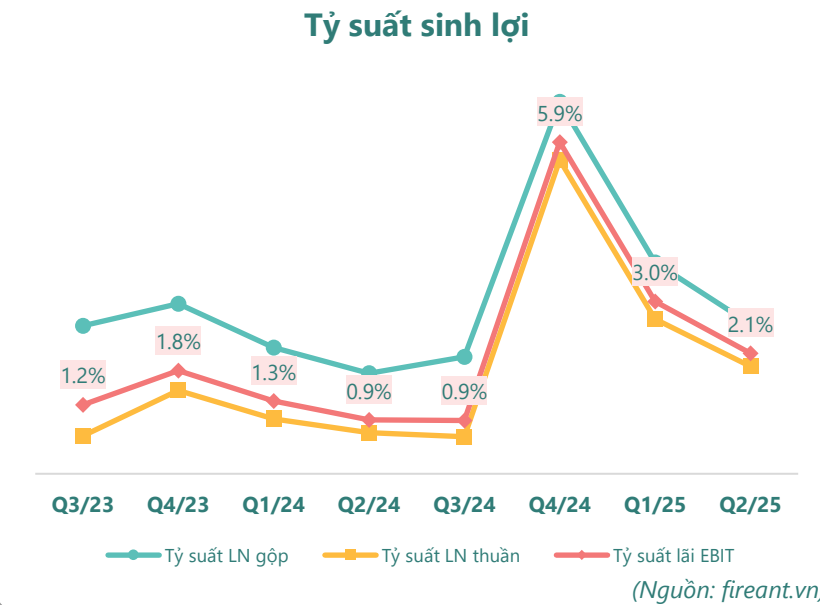
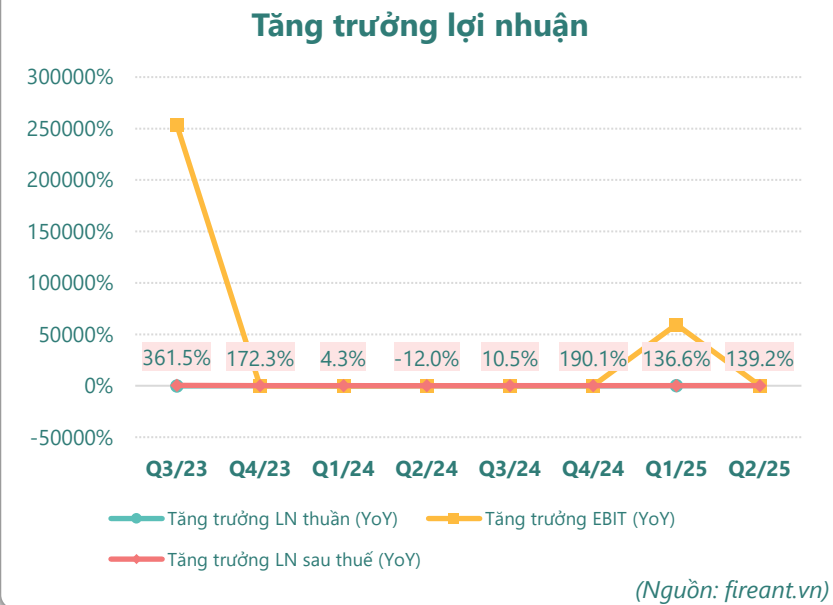
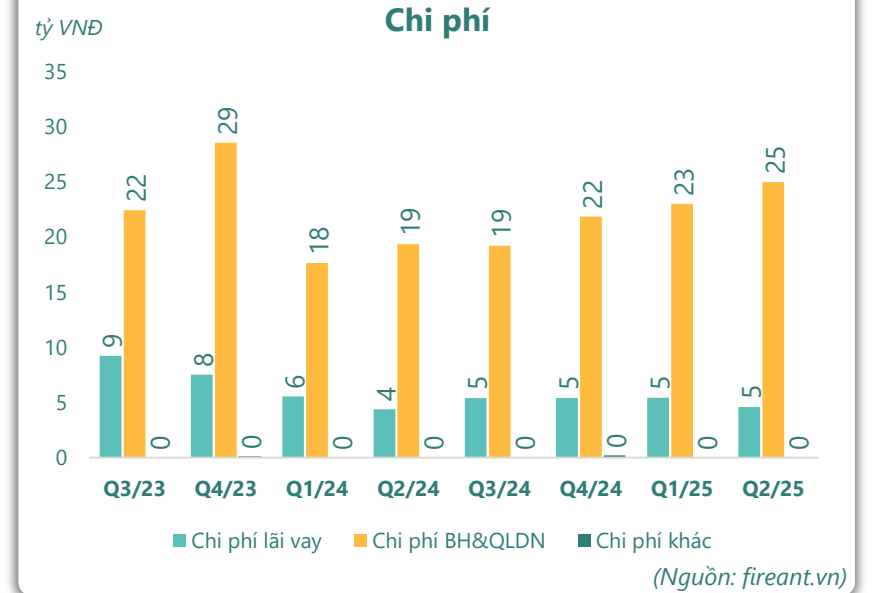
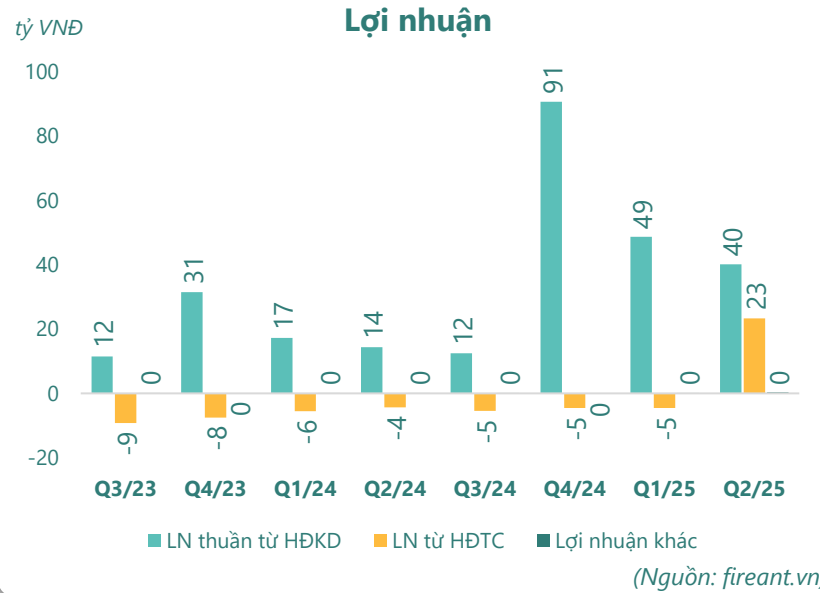
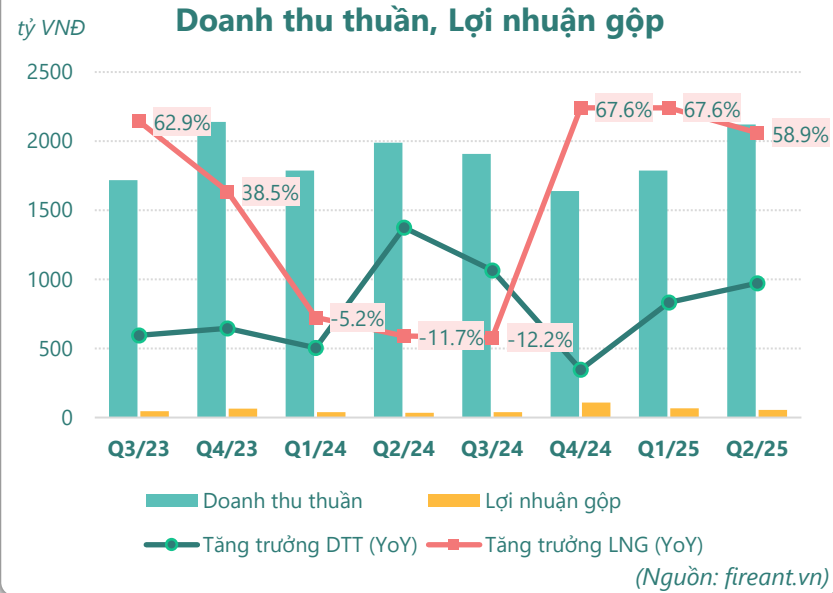
DT thuần 6T 2025
3,907
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 132 3.5%

LN thuần 6T 2025
88.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 57.2 181%

LN sau thuế 6T 2025
75.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 49.6 190%



KẾT QUẢ KINH DOANH



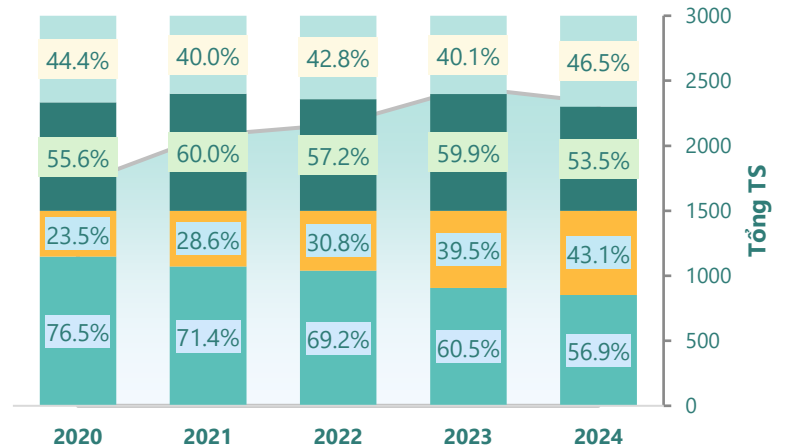


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

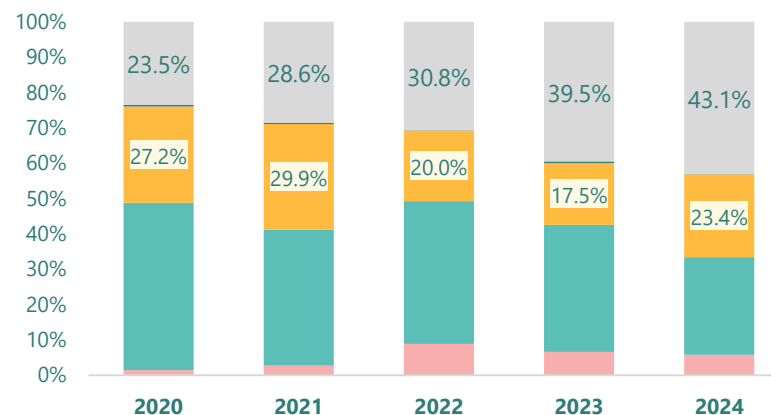
Tổng TS



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

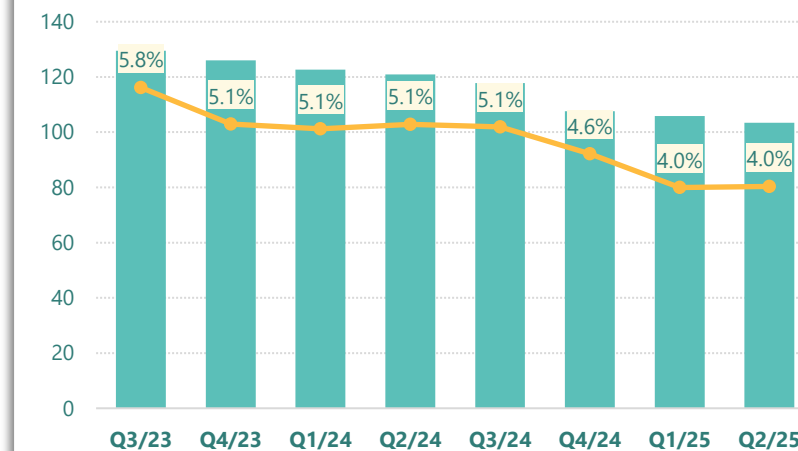


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

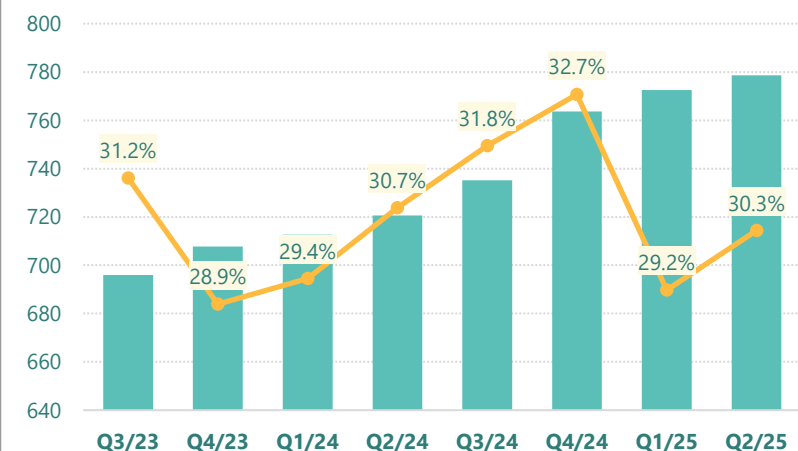


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

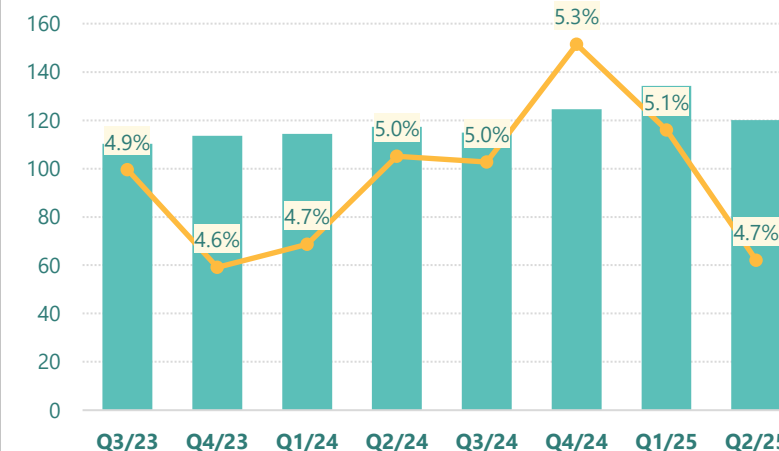


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

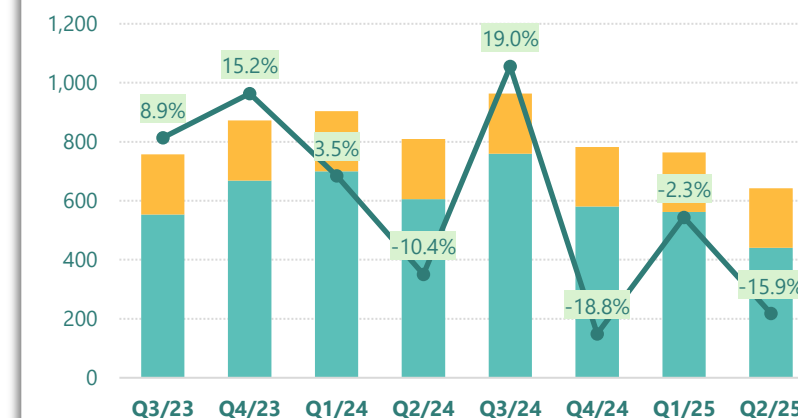


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

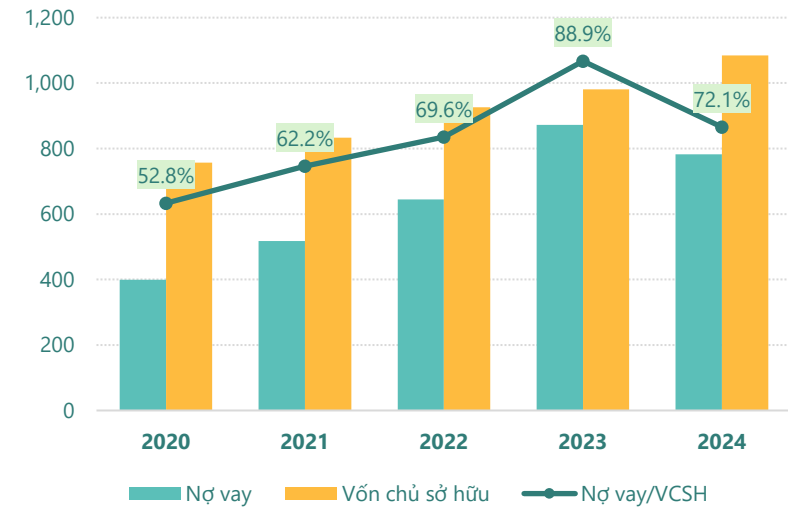
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

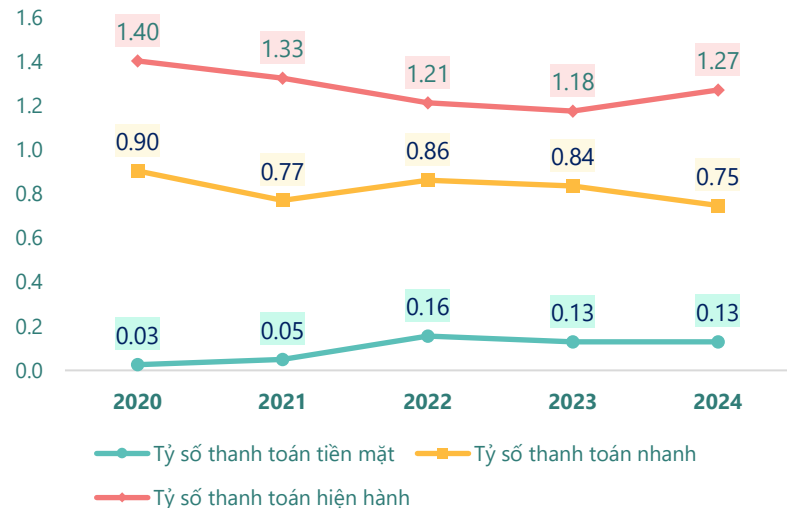
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



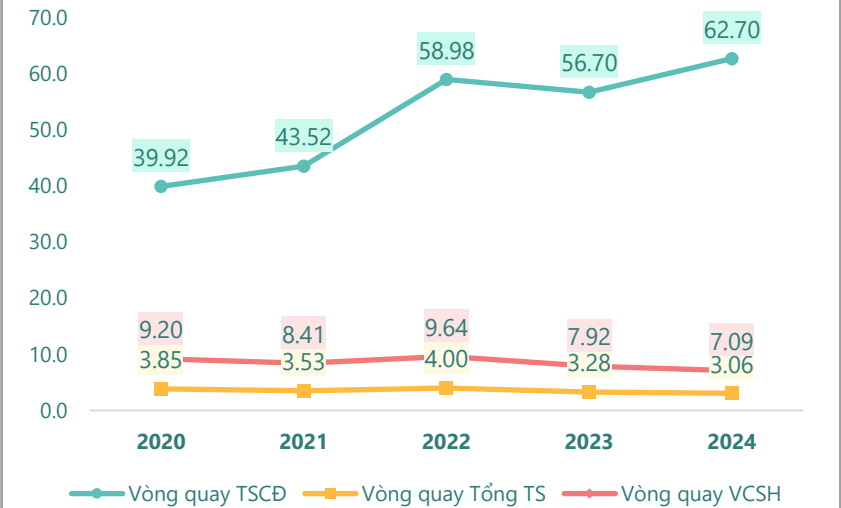
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



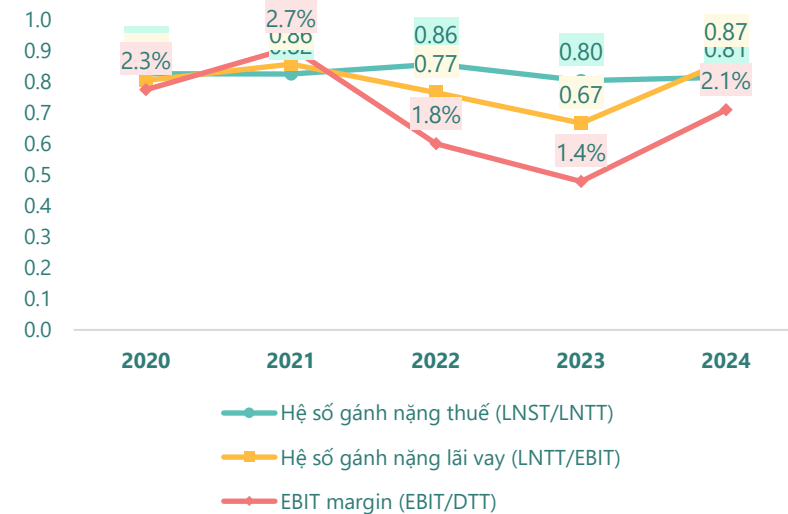
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



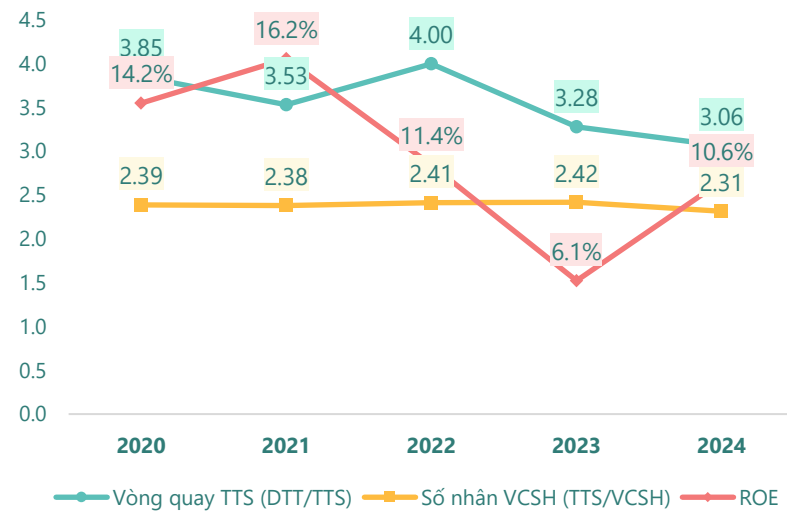
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



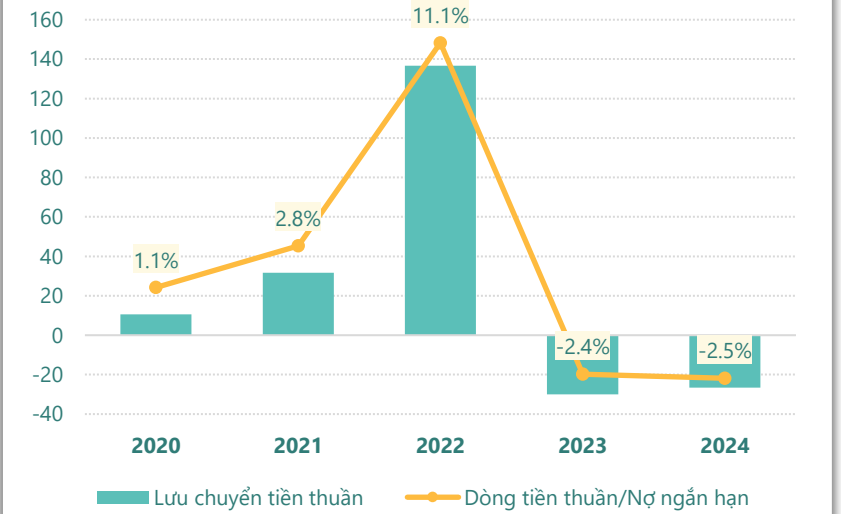
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,120	1,988	6.7%	3,907	3,775	3.5%
Giá vốn hàng bán	2,064	1,952	5.8%	3,784	3,700	2.3%
Lợi nhuận gộp	56.0	35.2	59.0%	123	75.0	63.5%
Doanh thu HĐTC	27.9	0.03	92786%	28.9	0.06	48192%
Chi phí TC	4.48	4.39	2.1%	10.1	9.94	1.2%
Chi phí lãi vay	4.60	4.39	4.8%	10.0	9.94	1.1%
LN trong công ty LKLD	-14.2	2.88	-591%	-4.46	3.58	-225%
Chi phí bán hàng	17.5	12.6	39.0%	35.2	23.8	47.5%
Chi phí QLDN	7.51	6.79	10.6%	12.9	13.2	-2.4%
LN thuần từ HĐKD	40.2	14.4	179%	88.9	31.7	181%
Lợi nhuận khác	0.30	0.10	202%	0.39	0.18	117%
LN trước thuế	40.5	14.5	179%	89.3	31.8	181%
Lợi nhuận sau thuế	34.9	12.1	188%	75.8	26.2	190%
LNST của CĐ cty mẹ	34.8	12.1	188%	75.8	26.2	190%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-100	144	-126	175	15.5	347
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.02	-38.8	-18.1	32.1	-22.2	20.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	30.9	-93.9	154	-181	-18.3	-122
Tiền đầu kỳ	162	88.0	99.7	110	136	111
Lưu chuyển tiền thuần	-74.3	11.6	9.87	26.2	-25.0	245
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	88.0	99.7	110	136	111	356

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,574	2,334	10.3%
Tài sản ngắn hạn	1,562	1,327	17.7%
Tiền và tương đương tiền	356	136	162%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	699	644	8.6%
Hàng tồn kho	506	546	-7.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.49	1.10	-55.6%
Tài sản dài hạn	1,012	1,007	0.5%
Phải thu dài hạn	0.19	0.19	0.0%
Tài sản cố định	103	108	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	779	764	2.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	120	125	-3.6%
Tài sản dài hạn khác	9.66	11.2	-13.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,413	1,250	13.1%
Nợ ngắn hạn	1,208	1,044	15.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	441	581	-24.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	685	393	74.1%
Nợ dài hạn	206	206	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	202	202	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,160	1,085	7.0%
Vốn chủ sở hữu	1,160	1,085	7.0%
Vốn điều lệ	559	559	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

